

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 259/2024/TLST-LĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số: 136/2024/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1988; thường trú: Số G, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH Y; địa chỉ: Số G, đường số A, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Kim Won K; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1987; thường trú: Ấp Đ, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/10/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo Đơn yêu cầu đề ngày 02/10/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, ng Nguyễn Đức T trình bày:

Ông bắt đầu đi làm, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 9/2009 đến tháng 12/2011 tại Công ty TNHH T2, địa chỉ: khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vị trí làm việc của ông là công nhân, làm toàn thời gian, không tăng ca, mã số BHXH 7409255066. Ngoài ra trong thời gian này ông không làm việc ở bất cứ Công ty nào khác.

Ông có người quen tên Nguyễn Thanh N, sinh năm 1987, thường trú: Ấp Đ, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do ông N ở quê lên tìm việc, không có đủ giấy tờ nên không thể đi xin việc được, ông N hỏi mượn chứng minh nhân dân số 280888632 do Công an tỉnh B cấp cho ông T để đi xin việc làm. Ông đồng ý cho ông N mượn chứng minh nhân dân, sơ yếu lý lịch và ông N đi xin việc ở Công ty TNHH Y; địa chỉ: Số G, đường số A, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Từ tháng 12/2009 ông N ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y bằng tên ông, được Công ty T3, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010 thì xin nghỉ việc. Sau đó ông N không tiếp tục sử dụng chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân của ông để làm việc ở bất cứ doanh nghiệp nào khác.

Năm 2024 ông đi làm thủ tục tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian cho ông N mượn hồ sơ từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010. Mục đích cho mượn hồ sơ để ông N có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác. Ông chỉ cho ông N mượn chứng minh để làm việc ở Công ty TNHH Y thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010, ngoài ra không cho ai mượn thời gian nào khác. Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét tuyên vô hiệu hợp đồng lao động đứng tên ông (do ông N ký) với công ty TNHH Y. Mục đích: để khôi phục đúng thông tin làm việc thực tế, có căn cứ liên hệ cơ quan bảo hiểm giảm trừ thời gian trùng bảo hiểm. Ông chưa hưởng chế độ bảo hiểm gì của khoảng thời gian ông N tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH Y. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do quan hệ lao động thực tế giữa ông N và Công ty TNHH Y đã chấm dứt, đối với các chế độ bảo hiểm thì cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết sau khi Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng theo quy định, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại Bản tự khai đề ngày 15/10/2024 ông Nguyễn Thanh N trình bày:

Ông là người quen của ông Nguyễn Đức T. Ông bắt đầu vào D và xin việc từ năm 2009. Lúc này do mới ở quê lên, không có đủ hồ sơ, bằng cấp nên không thể nộp hồ sơ xin việc được. Ông hỏi mượn chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Đức T để làm hồ sơ nộp vào công ty và ông T đồng ý cho mượn chứng minh nhân dân số 280888632 do Công an tỉnh B cấp cho Nguyễn Đức T. Sau khi mượn chứng minh và làm đầy đủ hồ sơ thì ông nộp hồ sơ xin việc ở Công ty TNHH Y, sau đó được Công ty gọi vào làm việc, ký hợp đồng lao động. Do đã lâu nên ông không nhớ rõ ngày tháng hợp đồng, cũng không giữ bản hợp đồng nào. Người trực tiếp ký hợp đồng với Công ty TNHH Y là ông chứ không phải

ông Nguyễn Đức T, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên ông T. Ông trực tiếp làm việc ở Công ty TNHH Y với vị trí là công nhân từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010. Từ tháng 12/2010 ông xin nghỉ việc ở Công ty TNHH Y và không nhận chế độ bảo hiểm gì. Ông không giữ sổ bảo hiểm trong thời gian làm việc ở đây. Sau đó ông không sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của ông T để làm việc ở nơi nào khác. Mục đích ông mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác.

Nay ông Nguyễn Đức T yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động do ông mới là người ký kết hợp đồng và làm việc trực tiếp ở Công ty TNHH Y thì ông đồng ý do hoàn toàn đúng với thực tế. Đề nghị Toà án giải quyết cho ông Nguyễn Đức T để ông Nguyễn Đức T được giải quyết các chế độ bảo hiểm theo quy định. Ông không mong muốn được Công ty TNHH Y ký lại hợp đồng, cũng không yêu cầu được nhận chế độ bảo hiểm trong thời gian này. Ông không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Bản tự khai ngày 17/10/2024, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T1 trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH Y cho người lao động thì Công ty TNHH Y có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1988, số CMND 280888932 với mã số BHXH 7409330919 từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010, đã nhận trợ cấp thất nghiệp. Ngoài ra ông Nguyễn Đức T còn có mã số 7409255066 tham gia BHXH từ tháng 9/2009 đến tháng 02/2021 tại Công ty TNHH T2. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Nguyễn Đức T, BHXH thành phố D không lưu trữ những hồ sơ này.

Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Nguyễn Đức T, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 361, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán chủ tọa, Thư ký phiên họp đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Thanh N, BHXH thành phố D đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công ty TNHH Y chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung việc lao động: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được đưa ra xem xét tại phiên họp, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc lao động là ông Nguyễn Đức T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh N, Bảo hiểm xã hội thành phố D vắng mặt tại phiên họp đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Y đã được

triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Thanh N khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010, người lao động tên Nguyễn Đức T, sinh năm 1988, số chứng minh nhân dân 280888632 được Công ty TNHH Y tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số là 7409330919. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH Y và ông Nguyễn Đức T phát sinh từ hợp đồng lao động (không nhớ rõ ngày tháng). Tuy nhiên, ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Thanh N thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y và thực tế làm việc tại Công ty TNHH Y trong khoảng thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010 theo hợp đồng lao động là ông Nguyễn Thanh N chứ không phải ông Nguyễn Đức T do ông N mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của ông T để đi làm việc. Đối với ông T trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH T2. Mục đích mượn giấy tờ là để ông N có việc làm chứ không nhằm mục đích gì khác. Mặc dù quá trình tố tụng Công ty TNHH Y không có ý kiến đối với yêu cầu của ông T, tuy nhiên xét thấy trình bày của ông T và ông N phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội thành phố D về việc ông Nguyễn Đức T có thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010, cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Y và Công ty TNHH T2. Xét thấy việc ông N lấy tên ông T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc ông Nguyễn Đức T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giao kết giữa ông T (do ông N mượn tên) với Công ty TNHH Y là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng không có ý kiến phản đối. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tại phiên họp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc lao động: Ông Nguyễn Đức T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức T về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Đức T và Công ty TNHH Y (thời gian làm việc từ tháng 12/2009 đến tháng 11/2010) vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Nguyễn Đức T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001674 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh